

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2018/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 12 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp, uỷ quyền và phân công nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 29/TTr-SXD ngày 17/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp, uỷ quyền và phân công nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/02/2018.

Quyết định này thay thế các quyết định:

1. Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định phân cấp, uỷ quyền và phân giao nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý;

2. Quyết định số 79/2016/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Phú Yên về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp, uỷ quyền và phân giao nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ trong quản lý
đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý**
(Ban hành kèm theo Quyết định số:07/2018/QĐ-UBND
Ngày 12 tháng 02 năm 2018 của UBND tỉnh Phú Yên)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nội dung liên quan đến việc phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ về quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý, được xác định với phạm vi như sau: Đối với công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch xây dựng, quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng được áp dụng cho tất cả các nguồn vốn; đối với công tác thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, thẩm định thiết kế cơ sở, tổ chức quản lý dự án, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình, quản lý giá vật tư, thiết bị, đấu thầu trong đầu tư xây dựng, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình được áp dụng cho nguồn vốn Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ về quản lý đầu tư xây dựng đối với các cấp của tỉnh trong các công tác quy định tại Điều 1 Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Dự án đầu tư xây dựng* theo Quy định này là Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

2. *Dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung* là dự án đầu tư xây dựng các công trình kiến trúc và hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực dự án, ví dụ như: Khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở, khu công nghiệp, khu thương mại, khu thể dục thể thao, khu du lịch...

3. *Dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ* là dự án đầu tư xây dựng một công trình kiến trúc.

Chương II QUẢN LÝ XÂY DỰNG THEO QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Điều 4. Cấp chứng chỉ quy hoạch

1. Việc cấp chứng chỉ quy hoạch chỉ thực hiện đối với các dự án đầu tư xây dựng tại khu vực trong đô thị hoặc ngoài đô thị đã có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt (trừ công trình hạ tầng kỹ thuật theo tuyến: Giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc,...). Trước khi lập dự án đầu tư xây dựng, chủ đầu tư phải tiến hành lập hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ quy hoạch theo quy định.

2. Thẩm quyền cấp chứng chỉ quy hoạch: Ủy ban nhân dân cấp huyện, theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị.

3. Thời gian cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Nội dung chứng chỉ quy hoạch: Tên công trình; tên khu đất - khu chức năng; diện tích khu đất; chỉ giới xây dựng; chỉ giới đường đỏ; cốt xây dựng; mật độ xây dựng; hệ số sử dụng đất; chiều cao tối đa, chiều cao tối thiểu xây dựng công trình; chiều cao tầng một của công trình; các thông tin về kiến trúc, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường và các quy định khác.

Điều 5. Cấp Giấy phép quy hoạch

1. Việc cấp Giấy phép quy hoạch được thực hiện đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng tại khu vực chưa có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt hoặc đã có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt nhưng cần điều chỉnh ranh giới hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch (mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chỉ giới xây dựng,...) đối với một lô đất trong khu vực quy hoạch (trừ công trình hạ tầng kỹ thuật theo tuyến: Giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc,...). Trước khi lập quy hoạch xây dựng hoặc lập dự án đầu tư xây dựng, chủ đầu tư phải tiến hành lập hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép quy hoạch theo quy định.

2. Thẩm quyền cấp Giấy phép quy hoạch:

a) Phân cấp cho Sở Xây dựng cấp Giấy phép quy hoạch cho các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung có quy mô trên 50 ha và dự án đầu tư xây dựng có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hoá, lịch sử của tỉnh xây dựng tại khu vực trong đô thị chưa có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt; dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ tại khu vực trong đô thị chưa có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt của thành phố Tuy Hòa, trừ nhà ở; dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung hoặc riêng lẻ tại khu vực trong đô thị đã có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt của thành phố Tuy Hòa, nhưng cần điều chỉnh ranh giới hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đối với một lô đất trong khu vực quy hoạch; dự án đầu tư xây dựng trong khu chức năng đặc thù cấp Quốc gia.

b) Phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên cấp Giấy phép quy hoạch các dự án đầu tư xây dựng trong các khu công nghiệp, các khu chức năng của Khu kinh tế Nam Phú Yên thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên

(trừ Khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa, các đô thị và các điểm dân cư nông thôn thuộc huyện Đông Hòa).

c) Phân cấp cho Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên cấp Giấy phép quy hoạch các dự án đầu tư xây dựng trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy phép quy hoạch các dự án đầu tư xây dựng thuộc trường hợp còn lại trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị.

3. Thời gian cấp Giấy phép quy hoạch: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Nội dung cấp Giấy phép quy hoạch, gồm: Tên công trình; tên và vị trí khu đất; quy định về sử dụng đất (tính chất hoặc công dụng công trình, diện tích khu đất, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng); các quy định quy hoạch, kiến trúc công trình và sử dụng cơ sở hạ tầng kỹ thuật (mối quan hệ công trình với tổng thể; chiều cao công trình; yêu cầu về kiến trúc; cao độ nền công trình, chỗ đỗ ô tô và xe máy; yêu cầu về cây xanh; đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật của công trình với hệ thống chung đô thị: Chuẩn bị kỹ thuật đất đai (san nền, tiêu thủy); giao thông; cấp điện, cấp - thoát nước; hệ thống thông tin liên lạc...); thời hạn của Giấy phép quy hoạch.

Điều 6. Lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng

1. Các dự án đầu tư xây dựng có quy mô từ 05 ha trở lên (từ 02 ha trở lên đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư), trừ công trình xây dựng theo tuyến (cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc,...), phải lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trước khi lập dự án đầu tư xây dựng. Đồ án quy hoạch chi tiết được phê duyệt là một trong những cơ sở để lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng.

2. Lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết của các dự án đầu tư xây dựng:

a) Việc lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng của các dự án đầu tư xây dựng được thực hiện theo Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị đối với các dự án xây dựng tại khu vực trong đô thị không thuộc khu chức năng đặc thù, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng đối với các dự án xây dựng tại các khu vực còn lại. Riêng các dự án đầu tư xây dựng trường học, bệnh viện, nhà máy sản xuất công nghiệp theo dây chuyền mang tính chất định hình và các dự án đầu tư xây dựng khác khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận thì không phải tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết. Trong trường hợp này, chủ đầu tư căn cứ vào quy mô đầu tư, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành và điều kiện cụ thể của công trình để tổ chức lập quy hoạch chi tiết trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

b) Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết của các dự án đầu tư xây dựng tại khu vực trong đô thị không thuộc khu chức năng đặc thù.

c) Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết của các dự án đầu tư xây dựng, trừ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền thẩm định của chủ đầu tư quy định tại điểm b khoản này.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết của các dự án đầu tư xây dựng (trừ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng tại khu vực trong đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của chủ đầu tư) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

Chương III

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 7. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, việc thẩm định dự án được phân công nhiệm vụ như sau:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Quy định này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 đối với các dự án sau đây được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng có công trình từ cấp II trở xuống do cơ quan ở Trung ương quyết định đầu tư trong trường hợp cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư không đủ điều kiện thực hiện và có văn bản yêu cầu chủ đầu tư trình thẩm định tại Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; dự án nhóm B, nhóm C (bao gồm các dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng) thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; dự án nhóm B thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã;

b) Phân cấp cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chuyên ngành quy định tại khoản 3 Điều 16 Quy định này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 đối với dự án nhóm C (bao gồm các dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng) thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn Nhà nước ngoài ngân sách, việc thẩm định dự án được phân công nhiệm vụ như sau:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Quy định này chủ trì thẩm định các nội dung sau đây đối với

các dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh: Thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (trừ Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước, Tổng công ty trực thuộc Bộ), dự án nhóm B thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, trừ các dự án quy định tại các điểm b, d, đ khoản này; thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng về các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (trừ Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước); thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng có công trình từ cấp II trở xuống do cơ quan ở Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước quyết định đầu tư trong trường hợp cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư không đủ điều kiện thực hiện và có văn bản yêu cầu chủ đầu tư trình thẩm định tại Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có) và các nội dung khác của dự án theo quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 và tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự án; chủ trì thẩm định dự án có nội dung chủ yếu về mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành sử dụng và có giá trị chi phí phần xây dựng dưới 05 tỷ đồng.

c) Đối với dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: Phân cấp cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chuyên ngành quy định tại khoản 3 Điều 16 Quy định này chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án nhóm C (trừ dự án có nội dung chủ yếu về mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành sử dụng và có giá trị chi phí phần xây dựng dưới 05 tỷ đồng); chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

d) Đối với dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: Cơ quan chuyên môn thuộc người

quyết định đầu tư (Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với cấp huyện, bộ phận Tài chính đối với cấp xã) chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có) và các nội dung khác của dự án theo quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 và tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự án; chủ trì thẩm định dự án có nội dung chủ yếu về mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành sử dụng và có giá trị chi phí phần xây dựng dưới 05 tỷ đồng.

đ) Đối với dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật: Cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có) và các nội dung khác của dự án theo quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014; chủ trì thẩm định dự án có nội dung chủ yếu về mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành sử dụng và có giá trị chi phí phần xây dựng dưới 05 tỷ đồng.

3. Phối hợp trong công tác thẩm định dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

a) Trường hợp dự án gồm nhiều công trình có loại, cấp công trình khác nhau, cơ quan chủ trì thẩm định dự án là cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm thẩm định công trình chính hoặc công trình có cấp cao nhất của dự án. Cơ quan chủ trì thẩm định dự án có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định dự án của các cơ quan chuyên môn về xây dựng khác liên quan đến dự án và lấy ý kiến các nội dung về phòng chống cháy, nổ; bảo vệ môi trường; sử dụng đất đai, tài nguyên, kết nối hạ tầng kỹ thuật và các nội dung cần thiết khác.

b) Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm góp ý kiến bằng văn bản trong thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Nếu quá thời hạn, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận về nội dung xin ý kiến và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình.

c) Trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định dự án là cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc người quyết định đầu tư thì cơ quan này có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án; các trường hợp còn lại, cơ quan chuyên môn có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án là Sở kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh), Phòng Tài chính - Kế hoạch (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp huyện), bộ phận Tài chính cấp xã (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp xã).

4. Phối hợp trong công tác thẩm định dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn Nhà nước ngoài ngân sách:

a) Trường hợp dự án gồm nhiều công trình có loại, cấp công trình khác nhau, cơ quan chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (trường hợp dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng) là cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm thẩm định công trình chính hoặc công trình có cấp cao nhất của dự án. Cơ quan chủ trì thẩm định nêu trên có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của các cơ quan chuyên môn về xây dựng khác liên quan đến dự án và lấy ý kiến các nội

dung về phòng chống cháy, nổ; bảo vệ môi trường; sử dụng đất đai, tài nguyên, kết nối hạ tầng kỹ thuật và các nội dung cần thiết khác.

b) Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm góp ý kiến bằng văn bản trong thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. Nếu quá thời hạn, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận về nội dung xin ý kiến và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình.

5. Trường hợp cơ quan thẩm định yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp đơn vị tư vấn thẩm tra theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, trong thời gian theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, cơ quan thẩm định phải có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức, các nhân có đủ năng lực theo quy định để thẩm tra phục vụ cho việc thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra phải đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

a) Đối với các dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng được đầu tư bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách Nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư (Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện, cấp xã đối với các công trình do mình quản lý), không phải lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt các dự án nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý được đầu tư bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách Nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng trở lên.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C còn lại, trừ các dự án quy định tại Điểm c Khoản 1 và Khoản 2 Điều 39 Luật Đầu tư công và các dự án quy định tại điểm d khoản này.

d) Ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt các dự án chi yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn Nhà nước ngoài ngân sách:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt các dự án nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

b) Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật phê duyệt các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo đảm bằng tài sản Nhà nước, vốn

đầu tư phát triển của doanh nghiệp Nhà nước, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, giá trị quyền sử dụng đất của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Nhà nước góp vốn để đầu tư xây dựng.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C còn lại, trừ các dự án quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 39 Luật Đầu tư công và các dự án quy định tại điểm d khoản này.

d) Ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt các dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương IV

QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 9. Tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng

1. Đối với cấp xã:

Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, có trách nhiệm ký kết hợp đồng với Ban quản lý dự án khu vực của huyện, thị xã, thành phố hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành để thực hiện quản lý dự án, trừ các dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp thực hiện quản lý dự án theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

2. Đối với cấp huyện:

Ban quản lý dự án khu vực của huyện, thị xã, thành phố thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư và trực tiếp tổ chức quản lý thực hiện các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định đầu tư và các dự án được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư. Ban quản lý dự án khu vực của huyện, thị xã, thành phố phải có đủ điều kiện, năng lực theo quy định để trực tiếp tổ chức quản lý thực hiện các dự án được giao và tham gia tư vấn quản lý các dự án khác khi cần thiết.

3. Đối với cấp tỉnh:

a) Các Ban quản lý dự án chuyên ngành, gồm Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư và trực tiếp tổ chức quản lý thực hiện các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

b) Trường hợp nếu giao cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình làm chủ đầu tư thì Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ đầu tư có trách nhiệm ký kết hợp đồng thuê Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án khu vực để thực hiện quản lý dự án theo quy định, trừ các dự án do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

c) Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực phải có đủ điều kiện, năng lực theo quy định để trực tiếp tổ chức quản lý thực hiện các dự án

được giao và tham gia tư vấn quản lý các dự án khác khi cần thiết.

4. Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án:

a) Các Sở, ngành cấp tỉnh; các Phòng, ban cấp huyện chỉ được giao làm chủ đầu tư và trực tiếp thực hiện quản lý dự án đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng khi có bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ được trực tiếp thực hiện quản lý dự án đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng do Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư khi có bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực theo quy định.

Chương V **THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

Mục 1

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ XÂY DỰNG

Điều 10. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, việc thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng các công trình đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh được phân công nhiệm vụ như sau:

a) Sở Xây dựng chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75m; công trình từ cấp II trở xuống các công trình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 Quy định này, trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các công trình quy định tại các điểm đ, g khoản này.

b) Sở Giao thông Vận tải chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp II trở xuống các công trình theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Quy định này, trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và các công trình quy định tại các điểm đ, g khoản này.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp II trở xuống

các công trình theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Quy định này, trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và các công trình quy định tại các điểm e, h khoản này.

d) Sở Công Thương chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp II trở xuống các công trình theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 16 Quy định này, trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và các công trình quy định tại các điểm e, g khoản này.

đ) Phân cấp cho Phòng Quản lý đô thị chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp II trở xuống các công trình theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 Quy định này thuộc dự án nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

e) Phân cấp cho Phòng Kinh tế chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp II trở xuống các công trình theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 Quy định này thuộc dự án nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

g) Phân cấp cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp II trở xuống các công trình theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 16 Quy định này thuộc dự án nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

h) Phân cấp cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp II trở xuống các công trình theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 16 Quy định này thuộc dự án nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn Nhà nước ngoài ngân sách, việc thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng các công trình đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh được phân công nhiệm vụ như sau:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75m; công trình từ cấp III trở lên các công trình theo chuyên ngành quy định tại khoản 1 Điều 16 Quy định này, trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và các công trình quy định tại điểm b khoản này.

b) Phân cấp cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình cấp II, cấp III các công trình theo chuyên ngành quy định tại khoản 3 Điều 16 Quy định này thuộc dự án nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

c) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

- Ủy quyền cho chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có); tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng các công trình còn lại.

- Thời gian ủy quyền được tính từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành đến khi cấp có thẩm quyền ban hành quy định sửa đổi hoặc thay thế.

d) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật:

Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có); tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán các công trình còn lại.

3. Phối hợp trong công tác thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng:

a) Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại, cấp công trình khác nhau, cơ quan chủ trì thẩm định là cơ quan có trách nhiệm thẩm định công trình chính có cấp cao nhất của dự án.

b) Trường hợp công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng của Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở quản lý công trình xây dựng, chủ đầu tư trình thẩm định, phê duyệt chung trong một văn bản, không phải lập thủ tục trình phê duyệt sau khi có kết quả thẩm định; riêng đối với dự án sử dụng vốn Nhà nước ngoài ngân sách, chủ đầu tư phải tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có) trước khi trình thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng. Trường hợp còn lại, chủ đầu tư có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt hoặc phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng theo thẩm quyền quy định tại Điều 11 Quy định này.

Điều 11. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng

1. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) đối với các công trình thuộc dự án do mình quyết định đầu tư, trừ các công trình quy định tại điểm b khoản này.

b) Ủy quyền cho Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) đối với các công trình theo chuyên ngành thuộc thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy định này các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt thiết kế kỹ thuật,

dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) đối với các công trình thuộc dự án do mình quyết định đầu tư.

d) Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước).

2. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn Nhà nước ngoài ngân sách:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) đối với các công trình thuộc dự án do mình quyết định đầu tư, trừ các công trình quy định tại điểm b khoản này.

b) Ủy quyền cho Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) đối với các công trình theo chuyên ngành thuộc thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Quy định này các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) đối với các công trình thuộc dự án do mình quyết định đầu tư.

d) Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) đối với các dự án do mình quyết định đầu tư.

đ) Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước).

Mục 2

QUẢN LÝ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG, THIẾT BỊ

Điều 12. Xác định giá vật liệu xây dựng, thiết bị để lập dự toán công trình xây dựng

1. Giá vật liệu xây dựng:

- Hàng tháng Liên Sở Xây dựng - Tài chính công bố giá vật liệu xây dựng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham khảo, sử dụng để lập dự toán xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Trường hợp giá vật liệu xây dựng trong công bố giá không phù hợp với mặt bằng giá thị trường tại nơi xây dựng công trình và các loại vật liệu xây dựng không có trong công bố giá thì giá của các loại vật liệu này được xác định theo hướng dẫn tại mục 2 Phần I Phụ lục số 4 Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Giá thiết bị:

Chủ đầu tư có trách nhiệm xác định giá thiết bị theo hướng dẫn tại mục 2

Phần I Phụ lục số 2 Thông tư số 06/2016/TT-BXD để lập dự toán. Chủ đầu tư có thể thuê tổ chức tư vấn có năng lực, kinh nghiệm để thẩm định giá thiết bị làm cơ sở cho việc lập dự toán.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo bằng văn bản giá cước vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham khảo, sử dụng để lập dự toán xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Mục 3 CÔNG TÁC ĐẤU THẦU

Điều 13. Điều kiện để triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu

Chủ đầu tư chỉ được triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu của dự án đầu tư xây dựng khi đã có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, có dự toán được phê duyệt (trừ các gói thầu EP, EC, EPC, gói thầu chìa khoá trao tay) và nguồn vốn cho gói thầu được thu xếp theo yêu cầu tiến độ thực hiện gói thầu. Các trường hợp khác phải được sự cho phép của người phê duyệt quyết định đầu tư.

Điều 14. Thẩm quyền và thời gian thẩm định công tác đấu thầu

1. Thẩm quyền thẩm định công tác đấu thầu:

a) *Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung sau đây: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư và các dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ đầu tư; kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc các dự án đầu tư xây dựng do Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.*

b) *Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung sau đây: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện là chủ đầu tư.*

c) Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng bộ phận chuyên môn phù hợp để thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư; Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá

hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ đầu tư.

d) Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng do mình quyết định đầu tư.

đ) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quy định tổ chức, cá nhân thuộc cơ quan mình thực hiện việc tổ chức thẩm định: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng được đầu tư bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách Nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng do mình quản lý.

Trường hợp tổ chức, cá nhân được giao thẩm định không đủ năng lực thì chủ đầu tư tiến hành lựa chọn một tổ chức tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm để thẩm định. Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng được đầu tư bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách Nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng do mình quản lý.

2. Thời gian thẩm định công tác đấu thầu:

a) Thời gian thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Thời gian thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 15. Thẩm quyền và thời gian phê duyệt công tác đấu thầu

1. Thẩm quyền phê duyệt công tác đấu thầu:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các nội dung sau đây: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, trừ các dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc các dự án đầu tư xây dựng do Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kế hoạch đấu thầu các dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

đ) Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng do mình quyết định đầu tư.

e) Chủ đầu tư phê duyệt các nội dung sau đây: Được phân cấp phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng được đầu tư bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách Nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng; kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách ngắn và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng do mình quản lý.

2. Thời gian phê duyệt công tác đấu thầu:

a) Thời gian phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định.

b) Thời gian phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của bên mời thầu hoặc báo cáo thẩm định trong trường hợp có yêu cầu thẩm định.

c) Thời gian phê duyệt hoặc có ý kiến xử lý về danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của bên mời thầu hoặc báo cáo thẩm định trong trường hợp có yêu cầu thẩm định.

Chương VI QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 16. Trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn như sau:

a) Sở Xây dựng quản lý chất lượng các công trình dân dụng; công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình công nghiệp nhẹ; công trình hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn); công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt đô thị, công trình cầu và đường Quốc lộ qua đô thị).

b) Sở Giao thông Vận tải quản lý chất lượng công trình giao thông (trừ các công trình do Sở Xây dựng quản lý).

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý chất lượng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn.

d) Sở Công Thương quản lý chất lượng công trình công nghiệp (trừ các công trình do Sở Xây dựng quản lý).

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên có trách nhiệm thực hiện các công việc được phân cấp quy định tại khoản 3 Điều 17 Quy định này.

3. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thực hiện các công việc được phân cấp quy định tại khoản 4 Điều 17 Quy định này trên địa bàn, cụ thể:

a) Phòng Quản lý đô thị quản lý chất lượng các công trình dân dụng; công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình công nghiệp nhẹ; công trình hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn); công trình giao thông.

b) Phòng Kinh tế quản lý chất lượng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn; công trình công nghiệp (trừ các công trình do Phòng Quản lý đô thị chủ trì thẩm định).

c) Phòng Kinh tế và Hạ tầng quản lý chất lượng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn).

d) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý chất lượng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn.

Điều 17. Nội dung quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, thực hiện các việc sau:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

b) Hướng dẫn Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia xây dựng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

c) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công

trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành.

đ) Thẩm định thiết kế xây dựng công trình theo thẩm quyền quy định đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 Quy định này.

e) Kiểm tra công tác nghiệm thu và công tác quản lý an toàn lao động công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Quy định này.

g) Kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý.

h) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sự cố trên địa bàn.

i) Hướng dẫn việc đăng ký thông tin năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh và đăng tải trên trang thông tin điện tử do Sở quản lý theo quy định.

k) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ, đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;

l) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 12 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn.

2. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện các việc sau:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

b) Thẩm định thiết kế xây dựng công trình theo thẩm quyền quy định đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý quy định tại điểm b, c, và d khoản 1 Điều 16 Quy định này.

c) Kiểm tra công tác nghiệm thu và công tác quản lý an toàn lao động công trình xây dựng theo quy định tại điểm b, c, và d khoản 1 Điều 18 Quy định này.

d) Kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý.

đ) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành.

e) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn định kỳ hàng năm trước ngày 10 tháng 12 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu theo mẫu tại Phụ lục 01 kèm theo Quy định này.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên được phân cấp thực hiện các việc sau:

a) Hướng dẫn các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trong các khu công nghiệp và các khu chức năng của Khu kinh tế Nam Phú Yên thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên (trừ Khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa, các đô thị và các điểm dân cư nông thôn thuộc huyện Đông Hòa) thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

b) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng trong các khu công nghiệp và các khu chức năng của Khu kinh tế Nam Phú Yên thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên (trừ Khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa, các đô thị và các điểm dân cư nông thôn thuộc huyện Đông Hòa).

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng.

d) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trong các khu công nghiệp và các khu chức năng của Khu kinh tế Nam Phú Yên thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên (trừ Khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa, các đô thị và các điểm dân cư nông thôn thuộc huyện Đông Hòa) khi được yêu cầu.

đ) Kiểm tra công tác nghiệm thu và công tác quản lý an toàn lao động công trình xây dựng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 18 Quy định này.

e) Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành định kỳ về tình hình chất lượng công trình xây dựng trong các khu công nghiệp và các khu chức năng của Khu kinh tế Nam Phú Yên thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên (trừ Khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa, các đô thị và các điểm dân cư nông thôn thuộc huyện Đông Hòa) theo phân cấp định kỳ hàng năm trước ngày 05 tháng 12 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Quy định này.

4. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp thực hiện các công việc sau:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

b) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng.

d) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

đ) Thẩm định thiết kế xây dựng công trình theo phân cấp đối với các công trình đối với các công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại khoản 3 Điều 16 Quy định này.

e) Kiểm tra công tác nghiệm thu và công tác quản lý an toàn lao động công trình xây dựng theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 18 Quy định này/

g) Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 47 và Điều 48 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

h) Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn theo phân cấp định kỳ hàng năm trước ngày 05 tháng 12 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu theo mẫu tại Phụ lục 03 kèm theo Quy định này.

Điều 18. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu và công tác quản lý an toàn lao động công trình xây dựng

1. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu và công tác quản lý an toàn lao động công trình xây dựng trên địa bàn được phân công, phân cấp như sau:

a) Sở Xây dựng: Các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP thuộc trách nhiệm quản lý của Sở theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 Quy định này, trừ các công trình quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và các công trình quy định tại điểm đ, e khoản này.

b) Sở Giao thông Vận tải: Các công trình quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP thuộc trách nhiệm quản lý của Sở theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Quy định này, trừ các công trình quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và các công trình quy định tại điểm đ, e khoản này.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Các công trình quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP thuộc trách nhiệm quản lý của Sở theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Quy định này, trừ các công trình quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và các công trình quy định tại điểm đ, e khoản này.

d) Sở Công Thương: Các công trình quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP thuộc trách nhiệm quản lý của Sở theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 16 của Quy định này, trừ các công trình quy định tại điểm a, b khoản

2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và các công trình quy định tại điểm đ, e khoản này.

đ) Ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên: Các công trình cấp III, cấp IV sử dụng vốn khác thuộc đối tượng phải được kiểm tra theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP xây dựng trong các khu công nghiệp và các khu chức năng của Khu kinh tế Nam Phú Yên thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên (trừ Khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa, các đô thị và các điểm dân cư nông thôn thuộc huyện Đông Hòa).

e) Ủy quyền cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Các công trình cấp III, cấp IV do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư và các công trình cấp III, cấp IV sử dụng vốn khác xây dựng trên địa bàn thuộc đối tượng phải được kiểm tra theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP. Trách nhiệm quản lý của Phòng có chức năng quản lý xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Quy định này.

2. Phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng:

a) Trường hợp dự án đầu tư gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chủ trì tổ chức kiểm tra là cơ quan có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đối với công trình, hạng mục công trình chính có cấp cao nhất của dự án đầu tư. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm mời các cơ quan có liên quan tham gia trong quá trình kiểm tra.

b) Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên và Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi thông báo kết quả kiểm tra về Sở Xây dựng để tổng hợp, quản lý.

c) Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên và Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi thông báo kết quả kiểm tra về Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (theo loại công trình xây dựng chuyên ngành thuộc trách nhiệm quản lý của từng Sở) để tổng hợp, quản lý.

Điều 19. Bảo trì công trình xây dựng

1. Công tác bảo trì công trình xây dựng được thực hiện đối với mọi công trình xây dựng thuộc mọi nguồn vốn, hình thức sở hữu theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và các tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì công trình.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn xác định tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo trì công trình xây dựng phù hợp với loại công trình, nguồn vốn bảo trì và hình thức sở hữu công trình. Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành gồm: Sở Công Thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện bảo trì đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý. Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện bảo trì các

công trình xây dựng được công nhận là di tích lịch sử, văn hoá Quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Điều 20. Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng

1. Khi phát hiện bộ phận công trình hoặc công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tiếp nhận xử lý đối với các công trình theo chuyên ngành do Sở quản lý quy định tại khoản 1 Điều 16 Quy định này, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo quy định.

Điều 21. Thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp

1. Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành là cơ quan đầu mối tiếp nhận, kiểm tra, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và chấp thuận việc kéo dài thời hạn sử dụng đối với các công trình cấp I, cấp II quy định tại Phụ lục II Nghị định 46/2015/NĐ-CP xây dựng trên địa bàn theo ngành do Sở quản lý.

2. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận kiểm tra, đề xuất trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và chấp thuận việc kéo dài thời hạn sử dụng đối với các công trình từ cấp III trở xuống quy định tại Phụ lục II Nghị định 46/2015/NĐ-CP xây dựng trên địa bàn. Trách nhiệm quản lý của Phòng có chức năng quản lý xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Quy định này.

3. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tự quyết định việc tiếp tục sử dụng sau khi thực hiện các công việc nêu tại điểm a, b khoản 1 Điều 45 Nghị định 46/2015/NĐ-CP đối với các công trình không thuộc danh mục quy định tại Phụ lục II Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

Điều 22. Thẩm quyền giải quyết sự cố công trình xây dựng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì giải quyết sự cố cấp I, cấp II các công trình xây dựng trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì giải quyết sự cố cấp III các công trình xây dựng trên địa bàn.

Chương VII
QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 23. Thẩm quyền thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình

1. Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự

án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Giám đốc Sở Tài chính.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Bộ phận Tài chính cấp xã chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự án do mình quyết định đầu tư.

Điều 24. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình

1. Các dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng được đầu tư bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách Nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, trừ các dự án quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được Chủ tịch UBND Tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

5. Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự án do mình quyết định đầu tư.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Phân công trách nhiệm

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và chủ đầu tư có trách nhiệm củng cố tổ chức, phân công trách nhiệm cho các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và các nội dung tại Quy định này; hướng dẫn, công khai thủ tục hành chính cho các công tác thuộc mình quản lý.

2. Trách nhiệm của các sở, ban ngành:

a) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các cơ quan chức năng tổ chức hướng dẫn thực hiện các nội dung theo Quy định này;

b) Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên; Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định và các nội dung tại

Quy định này có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và giải quyết các công việc có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện đầu tư của chủ đầu tư thuộc lĩnh vực quản lý của sở, ngành mình;

c) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo định kỳ theo Quý trước ngày 20 của tháng cuối Quý về công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình thuộc chuyên ngành trên địa bàn theo mẫu tại Phụ lục 04 gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan trực thuộc:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, khi phê duyệt dự án phải xác định được nguồn vốn đầu tư để thực hiện dự án theo đúng tiến độ, đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về quyết định của mình;

b) Các phòng chuyên môn cấp huyện, các bộ phận chức năng cấp xã: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định và các nội dung tại Quy định này có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện đầu tư của chủ đầu tư thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan mình;

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo định kỳ theo Quý trước ngày 15 của tháng cuối Quý về công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình thuộc chuyên ngành trên địa bàn theo mẫu tại Phụ lục 05 gửi về Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Các văn bản phê duyệt về quản lý đầu tư và xây dựng của các cơ quan được phân cấp (hoặc ủy quyền) phải gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành biết để kiểm tra, theo dõi.

5. Các cơ quan có chức năng thẩm định phải đóng dấu thẩm định vào hồ sơ được thẩm định, có kết luận cụ thể về các nội dung đã được thẩm định đủ hoặc không đủ điều kiện phê duyệt trong thông báo kết quả thẩm định.

6. Công trình hoặc hạng mục công trình sử dụng vốn Nhà nước, kể cả dự án thành phần trước khi khởi công phải có Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (đối với các dự án không phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường), thiết kế - dự toán được phê duyệt, nghiêm cấm tình trạng vừa thiết kế vừa thi công; trừ trường hợp đặc biệt được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép.

Điều 26. Quy định chuyên tiếp

1. Dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở, thiết kế và dự toán xây dựng công trình thuộc dự án nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư đã trình cho Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02

năm 2016 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định phân cấp, uỷ quyền và phân giao nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý; trường hợp các dự án này có điều chỉnh dự án, điều chỉnh thiết kế cơ sở, điều chỉnh thiết kế và dự toán xây dựng công trình sau ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo Quy định này.

2. Các công tác khác thực hiện theo quy định của các Nghị định và Thông tư hướng dẫn thi hành.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác có liên quan không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có gì vướng mắc, thủ trưởng các sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trà